**2. Công bố mở cảng cá loại 3 - 1.004478**

**2**.1. Trình tự, cách thức, thời gian giải quyết thủ tục hành chính

| TT | Trình tự thực hiện | Cách thức thực hiện | Thời gian giải quyết | Ghi chú |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bước 1 | Nộp hồ sơ thủ tục hành chính: Mức độ 3. Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ qua các cách thức sau: | 1. Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.  2. Hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích: Gửi hồ sơ về địa chỉ: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố. | Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc. |  |
| 3. Hoặc nộp trực tuyến tại website cổng Dịch vụ công của tỉnh Đồng Tháp: [dichvucong.dongthap.gov.vn](http://egov1.dongthap.gov.vn). | Không quy định (tùy khách hàng) |
| Bước 2 | Tiếp nhận và chuyển hồ sơ thủ tục hành chính | 1. Đối với hồ sơ được nộp trực tiếp qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của phần mềm một cửa điện tử của tỉnh.  a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ phải hướng dẫn đại diện tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;  b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính;  c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả; đồng thời, chuyển cho cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình. | Chuyển ngay hồ sơ tiếp nhận trực tiếp trong ngày làm việc (không để quá 3 giờ làm việc) hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày. |  |
| 2. Đối với hồ sơ được nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công của tỉnh, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả phải xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ.  a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận phải có thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ một lần để tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ, chính xác hoặc gửi đúng đến cơ quan có thẩm quyền. Việc thông báo được thực hiện thông qua chức năng gửi thư điện tử, gửi tin nhắn tới người dân của Cổng Dịch vụ công của tỉnh;  b) Nếu hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầy đủ, hợp lệ thì cán bộ, công chức, viên chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận và chuyển cho cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình. | Không quá 01 ngày kể từ ngày phát sinh hồ sơ trực tuyến |
| Bước 3 | Giải quyết thủ tục hành chính | Sau khi nhận hồ sơ thủ tục hành chính từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả công chức, viên chức xử lý xem xét, thẩm định hồ sơ, trình phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính: | - 06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  - Thông báo Quyết định công bố mở cảng cá trên các phương tiện thông tin đại chúng: 02 ngày kể từ ngày được ban hành. Trong đó: |  |
| 1. Tiếp nhận hồ sơ (Bộ phận TN&TKQ) | 03 giờ làm việc |  |
| 2. Giải quyết hồ sơ (cơ quan/bộ phận chuyên môn), trong đó: | 05 ngày làm việc |  |
| Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ;  Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung; | 02 ngày  (Trả lại hồ sơ không quá 02 ngày làm việc) |  |
| + Chuyên viên  + Lãnh đạo phòng/bộ phận  + Lãnh đạo đơn vị  + Văn thư đơn vị | 01 ngày  04 giờ  02 giờ  02 giờ |
| - Kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét hồ sơ, tổ chức khảo sát thực tế tại cảng cá, quyết định công bố mở cảng cá theo Mẫu số 10.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP. Trường hợp không công bố mở cảng cá, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do; | 05 ngày làm việc |
| + Chuyên viên  + Lãnh đạo phòng/bộ phận  + Lãnh đạo đơn vị  + Văn thư đơn vị | 03 ngày  01 ngày  06 giờ  02 giờ |
| - Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày Quyết định công bố mở cảng cá được ban hành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng. | 02 ngày làm việc |
|  |  | + Chuyên viên  + Lãnh đạo phòng/bộ phận  + Lãnh đạo đơn vị  + Văn thư đơn vị | 01 ngày làm việc  04 giờ làm việc  02 giờ làm việc  02 giờ làm việc |  |
| Bước 4 | Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính  (Kết quả giải quyết thủ tục hành chính gửi trả cho tổ chức, cá nhân phải bảo đảm đầy đủ theo quy định mà cơ quan có thẩm quyền trả cho tổ chức, cá nhân sau khi giải quyết xong thủ tục hành chính) | Công chức tiếp nhận và trả kết quả nhập vào sổ theo dõi hồ sơ và phần mềm điện tử thực hiện như sau:  - Thông báo cho tổ chức, cá nhân biết trước qua tin nhắn, thư điện tử, điện thoại hoặc qua mạng xã hội được cấp có thẩm quyền cho phép đối với hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trước thời hạn quy định.  - Tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian, địa điểm ghi trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (xuất trình giấy hẹn trả kết quả). Công chức trả kết quả kiểm tra phiếu hẹn và yêu cầu người đến nhận kết quả ký nhận vào sổ và trao kết quả.  - Trường hợp nhận kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích. (đăng ký theo hướng dẫn của Bưu điện) (nếu có)  - Thời gian trả kết quả: Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc. | 05 giờ làm việc |  |

**2**.2. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đề nghị công bố mở cảng cá theo Mẫu số 09.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;

b) Văn bản cho phép đầu tư xây dựng cảng cá;

c) Nội quy, phương án khai thác cảng cá của cảng cá (bản chụp);

d) Quyết định thành lập Tổ chức quản lý cảng cá (bản chụp);

đ) Biên bản nghiệm thu công trình cảng cá đã hoàn thành xây dựng đưa vào sử dụng kèm theo bản vẽ hoàn công;

e) Thông báo hàng hải về luồng của cảng và vùng nước trước cầu cảng;

g) Văn bản kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

h) Văn bản nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**2**.3. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức quản lý cảng cá.

**2**.4. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**2**.5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố mở cảng cá.

**2**.6. Phí, lệ phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

**2**.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị công bố mở cảng cá theo Mẫu số 09.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

**2**.8. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

**2**.9. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: - Luật Thủy sản năm 2017;

Luật Thủy sản năm 2017; Điều 61, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

- Quyết định 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quyết định về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Quyết định 4990/QĐ-BNN-VP ngày 22/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn

**2**.10. Lưu hồ sơ (ISO):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thành phần hồ sơ lưu | Bộ phận lưu trữ | Thời gian lưu |
| - Như mục **2**.2;  - Kết quả giải quyết TTHC hoặc Văn bản trả lời của đơn vị đối với hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, điều kiện.  - Hồ sơ thẩm định (nếu có)  - Văn bản trình cơ quan cấp trên (nếu có) | Ủy ban nhân dân huyện (thị xã, thành phố) | Từ 01 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ UBND huyện (thị xã, thành phố). |
| Các biểu mẫu theo Khoản 1, Điều 9, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả |

**Mẫu số 09.TC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ MỞ CẢNG CÁ**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Kính gửi:........................................

Ban quản lý cảng cá:................ ...................................Địa chỉ trụ sở: ......................................................... ....................

Số điện thoại: ............................. Số Fax ................... ................................

Đề nghị được công bố mở cảng cá: ................Thuộc xã (phường): ........... huyện (quận):..................Tỉnh (thành phố):...................

1. Tên cảng, loại cảng cá:................................................2. Địa chỉ, vị trí tọa độ của cảng cá:.................................

3. Vị trí điểm đầu của luồng, độ sâu, chiều rộng luồng vào cảng:.......... ....

4. Độ sâu vùng nước đậu tàu, chiều dài cầu cảng:................................ ......

5. Cỡ, loại tàu cá lớn nhất có thể cập cảng:......................................... ........

6. Năng lực bốc dỡ hàng hoá và các dịch vụ nghề cá của cảng cá:....... ......7. Thời gian cảng cá bắt đầu hoạt động:.................................

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về cảng cá và pháp luật khác có liên quan./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ......., ngày...... tháng..... năm...........  GIÁM ĐỐC (Ký tên, đóng dấu) |

Mẫu số 10.TC

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (\*)  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số:   /QĐ-…... | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  ….…. , ngày ….. tháng ….. năm….… |

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố mở cảng cá

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

CƠ QUAN THẨM QUYỀN BAN HÀNH (\*) …………

Căn cứ ………………………………… ………..…………………………….

Căn cứ……………………………… …….…………………………………….

Xét đề nghị của…………………… …………..……………………………….

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố mở cảng cá: .............. ...........................................................

Thuộc xã (phường): ……huyện (quận)........Tỉnh (thành phố)……..... ............

Số điện thoại: …………..Số Fax..................Tần số liên lạc………… ………

1. Loại cảng cá: ......................................................................... .......................

2. Vị trí tọa độ của cảng cá: ......................................................... ....................

3. Vị trí điểm đầu của luồng, độ sâu, chiều rộng luồng vào cảng: .... ..............

4. Chiều dài cầu cảng: ......................................................................... .............

5. Độ sâu vùng nước đậu tàu:………………………………………… ……...

6. Cỡ, loại tàu cá lớn nhất có thể cập cảng: ................................. .....................

7. Năng lực bốc dỡ hàng hóa: ……………………………………… ………...

8. Các dịch vụ nghề cá của cảng cá: ............................................ ...................

9. Thời gian cảng cá bắt đầu hoạt động: ....................................... .................

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ………………… ……………

Điều 3…………….. Ban quản lý Cảng cá, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận:  - Như Điều…;……………...;  - Lưu: VT,… | THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN  (Chữ ký, dấu) |